

**TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TỈNH THÁI BÌNH**

Số: /CTTBI-TTHT

V/v hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế
đối với DNNN có thu nhập tại Việt Nam.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thái Bình, ngày tháng năm

Kính gửi: Công ty cổ phần tập đoàn Phú Thành.

Mã số thuế: 5701583969

Địa chỉ: Số 30, đường Lý Thường Kiệt, tổ 2, Phường Bồ Xuyên,
Thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Ngày 12 tháng 7 năm 2023, Cục Thuế tỉnh Thái Bình nhận được công văn số 01/PT hỏi về việc thực hiện nghĩa vụ thuế đối với DNNN có thu nhập tại Việt Nam của Công ty cổ phần tập đoàn Phú Thành (gọi tắt là Công ty). Nội dung này, Cục Thuế tỉnh Thái Bình có ý kiến như sau:

- Tại Điều 30, Điều 42; Điều 43; Điều 44; Điều 45, Điều 55 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019 quy định về: Đối tượng đăng ký thuế và cấp mã số thuế; Nguyên tắc khai thuế, tính thuế; Hồ sơ khai thuế; Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế; Địa điểm nộp hồ sơ khai thuế; Thời hạn nộp thuế.

- Tại Điều 7; Điều 8 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về: Hồ sơ khai thuế; Các loại thuế khai theo tháng, khai theo quý, khai theo năm, khai theo từng lần phát sinh nghĩa vụ thuế và khai quyết toán thuế.

- Tại Điều 20, Điều 73; Điều 76; Điều 77; Điều 78; Điều 79; Điều 81 Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính quy định về: Mẫu tờ khai, phụ lục tờ khai, tài liệu liên quan trong hồ sơ khai thuế; Các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc quản lý thuế đối với hoạt động kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh dựa trên nền tảng số và các dịch vụ khác của nhà cung cấp ở nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam; Đăng ký thuế trực tiếp của nhà cung cấp ở nước ngoài; Khai thuế, tính thuế trực tiếp của nhà cung cấp ở nước ngoài; Nộp thuế trực tiếp của nhà cung cấp ở nước ngoài; Ủy quyền thực hiện đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế tại Việt Nam của nhà cung cấp ở nước ngoài; Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân ở Việt Nam có liên quan trong trường hợp mua hàng hoá, dịch vụ của nhà cung cấp ở nước ngoài.

- Tại Điều 1; Điều 4; Điều 5 Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06/8/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam, quy định:

“Điều 1. Đối tượng áp dụng

Hướng dẫn tại Thông tư này áp dụng đối với các đối tượng sau (trừ trường hợp nêu tại Điều 2 Chương I):

1. Tổ chức nước ngoài kinh doanh có cơ sở thường trú tại Việt Nam hoặc không có cơ sở thường trú tại Việt Nam; cá nhân nước ngoài kinh doanh là đối tượng cư trú tại Việt Nam hoặc không là đối tượng cư trú tại Việt Nam (sau đây gọi chung là Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài) kinh doanh tại Việt Nam

hoặc có thu nhập phát sinh tại Việt Nam trên cơ sở hợp đồng, thỏa thuận, hoặc cam kết giữa Nhà thầu nước ngoài với tổ chức, cá nhân Việt Nam hoặc giữa Nhà thầu nước ngoài với Nhà thầu phụ nước ngoài để thực hiện một phần công việc của Hợp đồng nhà thầu.

...

Điều 4. Người nộp thuế

1. Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài đảm bảo các điều kiện quy định tại Điều 8 Mục 2 Chương II hoặc Điều 14 Mục 4 Chương II, kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam. Việc kinh doanh được tiến hành trên cơ sở hợp đồng nhà thầu với tổ chức, cá nhân Việt Nam hoặc với tổ chức, cá nhân nước ngoài khác đang hoạt động kinh doanh tại Việt Nam trên cơ sở hợp đồng nhà thầu phụ.

Việc xác định Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài có cơ sở thường trú tại Việt Nam, hoặc là đối tượng cư trú tại Việt Nam thực hiện theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật Thuế thu nhập cá nhân và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Trong trường hợp Hiệp định tránh đánh thuế hai lần mà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ký kết có quy định khác về cơ sở thường trú, đối tượng cư trú thì thực hiện theo quy định của Hiệp định đó.

2. Tổ chức được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam, tổ chức đăng ký hoạt động theo pháp luật Việt Nam, tổ chức khác và cá nhân sản xuất kinh doanh: mua dịch vụ, dịch vụ gắn với hàng hóa hoặc trả thu nhập phát sinh tại Việt Nam trên cơ sở hợp đồng nhà thầu hoặc hợp đồng nhà thầu phụ; mua hàng hóa theo hình thức xuất nhập khẩu tại chỗ hoặc theo các điều khoản thương mại quốc tế (Incoterms); thực hiện phân phối hàng hóa, cung cấp dịch vụ thay cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam (sau đây gọi chung là Bên Việt Nam) bao gồm:

- Các tổ chức kinh doanh được thành lập theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư và Luật Hợp tác xã;

...

Người nộp thuế theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 4 Chương I có trách nhiệm khấu trừ số thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp hướng dẫn tại Mục 3 Chương II trước khi thanh toán cho Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài.

...

Điều 5. Các loại thuế áp dụng

1. Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài là tổ chức kinh doanh thực hiện nghĩa vụ thuế giá trị gia tăng (GTGT), thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) theo hướng dẫn tại Thông tư này.

...

- Tại Điều 6; Điều 7; Mục 2; Mục 3; Mục 4 Thông tư số 103/2014/TT-BTC quy định về: Đối tượng chịu thuế GTGT; Thu nhập chịu thuế TNDN; Nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, nộp thuế TNDN trên cơ sở kê khai doanh thu, chi phí để xác định thu nhập chịu thuế (sau đây gọi tắt là phương pháp kê khai); Nộp thuế GTGT, nộp thuế TNDN theo phương pháp tỷ lệ tính trên doanh thu (sau đây gọi tắt là phương

pháp trực tiếp); Nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, nộp thuế TNDN theo tỷ lệ % tính trên doanh thu (sau đây gọi tắt là phương pháp hỗn hợp).

- Tại Điều 1; Điều 2; Điều 7; Điều 18; Điều 24; Điều 25; Điều 26 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính (đã được sửa đổi bổ sung tại Điều 2 Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014; Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015; Thông tư số 25/2018/TT-BTC ngày 16/3/2018 của Bộ Tài chính) quy định về: Người nộp thuế; Các khoản thu nhập chịu thuế; Căn cứ tính thuế đối với thu nhập chịu thuế từ kinh doanh, từ tiền lương, tiền công; Đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công; Đăng ký thuế; Khấu trừ thuế và chứng từ khấu trừ thuế; Khai thuế, quyết toán thuế.

Căn cứ các quy định trên và nội dung hỏi tại công văn, trường hợp Công ty và Công ty nước ngoài kinh doanh (Mỹ) có ký thoả thuận (hợp đồng) dịch vụ thiết kế sân Golf chuyên nghiệp tại Việt Nam thì:

- Đối với thuế GTGT và thuế TNDN: Công ty nước ngoài kinh doanh (gọi là Nhà thầu nước ngoài) thuộc đối tượng áp dụng thuế nhà thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Chương I Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06/8/2014 của Bộ Tài chính. Nhà thầu nước ngoài thực hiện nghĩa vụ thuế giá trị gia tăng (GTGT), thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) theo quy định tại Điều 5 Chương I Thông tư số 103/2014/TT-BTC.

+ Trường hợp Nhà thầu nước ngoài đáp ứng được các điều kiện quy định tại Điều 8 hoặc Điều 14 Thông tư số 103/2014/TT-BTC thì Nhà thầu nước ngoài thực hiện kê khai, nộp thuế trực tiếp tại Việt Nam theo hướng dẫn tại Mục 2 hoặc Mục 4 Chương II Thông tư số 103/2014/TT-BTC.

+ Trường hợp nhà thầu nước ngoài không đáp ứng được một trong các điều kiện kê khai thuế trực tiếp tại Việt Nam theo quy định tại Điều 8 hoặc Điều 14 Thông tư số 103/2014/TT-BTC hoặc nhà cung cấp ở nước ngoài không thực hiện đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế tại Việt Nam theo quy định tại Điều 76, Điều 77, Điều 78, Điều 79 Thông tư số 80/2021/TT-BTC thì Công ty có nghĩa vụ kê khai, khấu trừ và nộp thay thuế cho Nhà thầu nước ngoài theo hướng dẫn tại Mục 3 Chương II Thông tư số 103/2014/TT-BTC.

Hồ sơ khai thuế; Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế; Địa điểm nộp hồ sơ khai thuế; Thời hạn nộp thuế thực hiện theo quy định tại Điều 43, Điều 44, Điều 45, Điều 55 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14.

- Đối với thuế TNCN: Trường hợp Công ty phát sinh chi trả các khoản chi phí (*khoản lợi ích bằng tiền và không bằng tiền có tính chất tiền lương, tiền công*) cho chuyên gia nước ngoài sang Việt Nam làm việc thì khoản chi phí này là thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân. Theo đó, Công ty căn cứ hồ sơ tại đơn vị và thời gian làm việc của chuyên gia tại Việt Nam để xác định đối tượng nộp thuế, số thuế TNCN phải khấu trừ, phải nộp theo quy định tại Điều 1, Điều 2, Điều 7, Điều 18, Điều 25 Thông tư số 111/2013/TT-BTC.

Trong quá trình thực hiện chính sách thuế, trường hợp còn vướng mắc, Công ty liên hệ trực tiếp về Cục Thuế (phòng Thanh tra - kiểm tra số 3, điện thoại 02273.643.395) để được hỗ trợ giải quyết.

Cục Thuế tỉnh Thái Bình trả lời đề Công ty cổ phần tập đoàn Phú Thành biết và thực hiện theo đúng quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật đã được trích dẫn tại công văn này./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Cục Thuế;
- Các phòng: TTKT3, NVDTPC;
- Lưu: VT, Web, TTHT.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

Hà Nhật Quang